

Số: 1414 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai làm hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Sơn La (đợt mưa, lũ tháng 6 năm 2022)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó, sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai để ứng phó với mưa, lũ xảy ra vào tháng 6 năm 2022 làm ảnh hưởng, hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2046/TTr-SGTVT ngày 09 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp với nội dung sau:

1. Tên công trình: Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông hệ thống đường tỉnh (ĐT.101, ĐT.102, ĐT.103, ĐT.104, ĐT.106, ĐT.108, ĐT.109, ĐT.110, ĐT.111, ĐT.112, ĐT.113, ĐT.114, ĐT.117, ĐT.118) trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Địa điểm: Thuộc địa bàn các huyện Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Mường La, Mai Sơn, Sông Mã, Sốp Cộp, Phù Yên, Bắc Yên, Yên Châu, Mộc Châu, Vân Hồ.

3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Sơn La.

4. Mục đích đầu tư xây dựng: Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 hệ thống đường tỉnh (ĐT.101, ĐT.102, ĐT.103, ĐT.104, ĐT.106, ĐT.108, ĐT.109, ĐT.110, ĐT.111, ĐT.112, ĐT.113, ĐT.114, ĐT.117, ĐT.118) trên địa bàn tỉnh Sơn La do ảnh hưởng của các đợt mưa trong tháng 6 năm 2022.

5. Sơ bộ quy mô sửa chữa, khắc phục công trình và các yêu cầu đối với công trình:

5.1. Đối với khối lượng đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, bồi lấp làm tắc cống thoát nước: Tiến hành hút dọn vận chuyển sang ngang hoặc xúc lên phương tiện vận chuyển đến bãi đổ thải đúng quy định;

5.2. Với khối lượng đá tảng có kích thước lớn: Sử dụng máy đào có gắn búa thủy lực để phá, vận chuyển sang ngang hoặc xúc lên phương tiện vận chuyển đến bãi đổ thải đúng quy định;

5.3. Các vị trí sạt lở ta luy âm: Tùy theo điều kiện địa hình thực tế vị trí sạt lở, xử lý bằng giải pháp đắp lại và đầm chặt hoặc bằng kê rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng kê BTCT (chân khay bằng bê tông M200#; mái ta luy bằng bê tông lưới thép M250#);

5.4. Các vị trí hư hỏng móng, mặt đường: Tùy theo điều kiện địa hình thực tế đoạn tuyến tiến hành hoàn trả mặt đường láng nhựa hoặc bằng BTXM, trường hợp cần thiết bổ sung rãnh dọc bằng BTXM, BTCT đảm bảo khả năng thoát nước. Một số vị trí cần tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết, địa chất xử lý đảm bảo giao thông bằng vật liệu tại chỗ hoặc cấp phối đá dăm, đá thải.

5.5. Các vị trí hư hỏng thượng, hạ lưu cống hoặc lòng cầu, tứ nón cầu: Tùy theo vị trí và địa hình thực tế để áp dụng giải pháp khắc phục phù hợp (sử dụng kê rọ thép; hoàn trả bằng kết cấu hiện trạng, bê tông hoặc bê tông cốt thép ...);

5.6. Các vị trí ngập nước gây ùn tắc, vị trí cống cũ bị vùi lấp, hư hỏng không còn khả năng khai thác: Tùy theo điều kiện địa hình thực tế xử lý bằng phương án nâng đường đê, bổ sung mới hoặc thay thế cống cũ, gia cố rãnh bằng BTXM đảm bảo khả năng thoát nước.

5.7. Các vị trí hư hỏng rãnh xây: Tùy theo mức độ rãnh hư hỏng xử lý khôi phục hiện trạng rãnh bằng tấm BTXM lắp ghép kết hợp BTXM đổ tại chỗ.

5.8. Khối lượng dự kiến thực hiện: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

6. Dự kiến kinh phí: Khoảng **4.263** triệu đồng.

7. Nguồn vốn thực hiện: Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (ngân sách Nhà nước).

8. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 30 tháng 9 năm 2022. 

Điều 2. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo đơn vị thi công khẩn trương triển khai thi công xây dựng và hoàn thành công trình đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn; tổ chức rà soát, thẩm định khối lượng thi công, lập hồ sơ hoàn thành công trình cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh;
- Ban ATGT tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Toàn). 20b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh



PHỤ LỤC KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND tỉnh Sơn La)

1. ĐT.101

1.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 162m^3 ; phá và hút dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính: $98,5\text{m}^3$; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng: $260,5\text{m}^3$;

1.2. Ta luy âm tại Km25+010 - Km25+015 bị xói lở. Xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí.

2. ĐT.102

2.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 920m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng: 920m^3 ;

2.2. Sửa chữa khắc phục sụt lở ta luy âm: Ta luy âm tại các vị trí Km17+1010 - Km17+1025 và Km31+966 - Km31+980 bị xói lở tổng chiều dài khoảng 29m. Xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí.

3. ĐT.103

Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 282m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng: 282m^3 ;

4. ĐT.104

4.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: $27,5\text{m}^3$; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng: $27,5\text{m}^3$;

4.2. Sửa chữa hư hỏng công trình: Tại vị trí cống Km7+770 tường đầu thượng lưu cống bị hư hỏng; sửa chữa và khôi phục lại như hiện trạng cống bằng đá xây và BTXM.

4.3. Sửa chữa hư hỏng rãnh xây: Tại các vị trí Km8+620, Km9+820, Km11+007, Km12+395, Km12+490, Km12+502, Km15+590, Km12+850, Km14+880, Km15+950, Km16+050, Km19+603 rãnh dọc BTXM bị xói lở hư hỏng, tổng chiều dài khoảng 135m; sửa chữa khôi phục rãnh dọc bằng tấm rãnh BTXM M200# lắp ghép KT (60x50x7)cm kết hợp BTXM M200# đổ tại chỗ, tận dụng các tấm rãnh còn tốt để sửa chữa. *12*

5. ĐT.106

5.1. Đào, hót dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hót dọn dự tính khoảng 7.233m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng 7.233m^3 ;

5.2. Sửa chữa khắc phục sụt lở ta luy âm: Ta luy âm tại các vị trí Km21+670 - Km21+676, Km25+025 - Km25+029, Km26+015 - Km26+025, Km29+450 - Km29+456, Km29+815 - Km29+833, Km29+850 - Km29+856, Km30+360 - Km30+375, Km30+390 - Km30+400, Km31+210 - Km31+235, Km31+300 - Km31+330, Km31+650 - Km31+660, Km31+910 - Km31+920, Km31+925 - Km31+935, Km33+990 - Km33+994, Km34+500 - Km34+504, Km34+850 - Km34+866, Km34+950 - Km34+956, Km35+330 - Km35+334, Km36+550 - Km36+556, Km37+900 - Km37+910, Km46+230 - Km46+244, Km47+750 - Km47+756 bị xói lở tổng chiều dài khoảng 230m. Xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí.

6. ĐT.108

6.1. Đào, hót dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hót dọn dự tính khoảng 1.202m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng 1.202m^3 ;

6.2. Sửa chữa khắc phục sụt lở ta luy âm: Ta luy âm tại các vị trí Km5+690 - Km, Km56+500 (Thuận Châu – Mường Bám), Km14+474 – Km14+, Km17+712 – Km17+, Km27+260 - Km27+ (Co Mạ - Bó Sinh) bị xói lở tổng chiều dài khoảng 38m. Xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí.

6.3. Sửa chữa hư hỏng công trình: Cột thủy chí tại Km9+020 và Km29+290 (Co Mạ - Bó Sinh) bị hư hỏng; bổ sung cột thủy chí mới.

7. ĐT.109: Đào, hót dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hót dọn dự tính khoảng 1.962m^3 ; phá và hót dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính khoảng 21m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng 1.983m^3 .

8. ĐT.110

8.1. Đào, hót dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hót dọn dự tính khoảng 2.170m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng 2.170m^3 ; *he*

8.2. Sửa chữa khắc phục sụt lở ta luy âm: Ta luy âm tại các vị trí Km10+060 - Km10+064, Km19+300 - Km19+314(T), Km19+308 - Km19+318(P) (Nà Bó - Tà Hộc) bị xói lở tổng chiều dài khoảng 28m. Xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí.

9. ĐT.111

9.1. Đào, hót dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hót dọn dự tính: 265m^3 ; phá và hót dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính khoảng 6m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng 271m^3 ;

9.2. Sửa chữa hư hỏng công trình: Tại các vị trí cống Km74+480, Km77+540, Km78+670 hồ tụ cống bị hư hỏng; sửa chữa và khôi phục lại như hiện trạng cống bằng đá xây và BTXM.

10. ĐT.112

10.1. Đào, hót dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hót dọn dự tính khoảng 106m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng 106m^3 ;

10.2. Sửa chữa hư hỏng rãnh xây: Tại các vị trí Km1+310, Km1+520, Km2+540, Km3+070, Km3+180, Km3+260, Km3+485, Km3+850 rãnh dọc đá xây bị xói lở hư hỏng, tổng chiều dài khoảng 75m; chữa khôi phục rãnh dọc bằng đá xây hoặc BTXM M200#.

11. ĐT.113

11.1. Đào, hót dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hót dọn dự tính khoảng 393m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng 393m^3 ;

11.2. Sửa chữa khắc phục sụt lở ta luy âm: Ta luy âm tại các vị trí Km57+180 - Km57+190, Km86+230 - Km86+240, Km86+295 - Km86+310 bị xói lở tổng chiều dài khoảng 35m. Xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí.

12. ĐT.114

12.1. Đào, hót dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hót dọn dự tính: 997m^3 ; phá và hót dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính khoảng 12m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng 1009m^3 ; 

12.2. Sửa chữa khắc phục sụt lở ta luy âm: Ta luy âm tại các vị trí Km51+985 - Km51+990, Km57+970 - Km57+980 bị xói lở tổng chiều dài khoảng 15m. Xử lý bằng kè rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí.

12.3. Sửa chữa hư hỏng công trình: Tại các vị trí cống Km3+050, Km3+082 (Mường Bang - Đồng Nghệ), Km11+100, Km50+510 (Tân Lang - Huy Hạ) thượng, hạ lưu bị xói lở, hư hỏng. Sửa chữa và khôi phục lại như hiện trạng cống bằng đá xây và BTXM, bổ sung gia cố hạ lưu bằng tường chắn BTXM, ốp mái BTXM gia cố lưới thép hoặc kè rọ thép cho phù hợp.

12.4. Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường: Tại các vị trí Km6+250 - Km6+300, Km7+200 - Km7+290, Km9+400 - Km9+500, Km9+550, Km9+650, Km10+600 - Km10+945, Km11+800 - Km11+935 (Mường Bang - Đồng Nghệ) mặt đường bị xói trôi hư hỏng hoàn toàn. Xử lý đắp nền đường bằng cấp phối đảm bảo giao thông.

12.5. Sửa chữa hư hỏng rãnh xây: Tại vị trí Km51+260+310, Km1+520 rãnh dọc BTXM bị đầy trôi, hư hỏng, tổng chiều dài khoảng 5m. Sửa chữa khôi phục rãnh dọc bằng tấm rãnh BTXM M200# lắp ghép KT (60x50x7)cm kết hợp BTXM M200# đổ tại chỗ, tận dụng các tấm rãnh còn tốt để sửa chữa.

13. ĐT.117: Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính 208m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng 208m^3 .

14. ĐT.118: Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính 295m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng khoảng 295m^3 ./. 